Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8516.40.10

Mã HS	8516.40.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hoặc đun nước nóng có dự trữ và đun nước nóng kiểu nhúng; dụng cụ điện làm nóng không gian và làm nóng đất; dụng cụ nhiệt điện làm tóc (ví dụ, máy sấy tóc, máy uốn tóc, dụng cụ kẹp uốn tóc) và máy sấy làm khô tay; bàn là điện; dụng cụ nhiệt điện gia dụng khác; các loại điện trở đốt nóng bằng điện, trừ loại thuộc nhóm 85.45 / - Bàn là điện: / - - Loại được thiết kế sử dụng hơi nước từ hệ thống nồi hơi công nghiệp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 05:12:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85164010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15306
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15306
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15306
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14614
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14555
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14555
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14555
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14555
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14555
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14555
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E14609
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14609
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14609
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14609
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14609
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14610
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14610
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14610
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14610
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14610
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14610
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14613
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14561
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14569
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14569
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14569
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14569
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14569
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14569
VKFTA	2022	2022	4	VK!E14600
VKFTA	2023	2023	2	VK!F14600
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14600
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14600
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14600
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14600
VCFTA	2022	2022	4	VC!D14655
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14655
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14655
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14655

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14655
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14655
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14632
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14632
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14632
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14632
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14632
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14632
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D14632
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E14632
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F14632
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G14632
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H14632
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I14632
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14647
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14647
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14647
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14647
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14647
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14647
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14646
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14646
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14646
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14646
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14646
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14646

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14639
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14639
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14639
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14639
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14639
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14639
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14639
RCEP A	2022	2022	18,7	RCEPT-A!D14634
RCEP A	2023	2023	17,3	RCEPT-A!E14634
RCEP A	2024	2024	16	RCEPT-A!F14634
RCEP A	2025	2025	14,7	RCEPT-A!G14634
RCEP A	2026	2026	13,3	RCEPT-A!H14634
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I14634
RCEP B	2022	2022	18,7	B!D14634
RCEP B	2023	2023	17,3	B!E14634
RCEP B	2024	2024	16	B!F14634
RCEP B	2025	2025	14,7	B!G14634
RCEP B	2026	2026	13,3	B!H14634
RCEP B	2027	2027	12	B!I14634
RCEP C	2022	2022	20	C!D14634
RCEP C	2023	2023	20	C!E14634
RCEP C	2024	2024	20	C!F14634
RCEP C	2025	2025	20	C!G14634
RCEP C	2026	2026	20	C!H14634
RCEP C	2027	2027	20	C!I14634
RCEP D	2022	2022	20	D!D14633

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E14633
RCEP D	2024	2024	20	D!F14633
RCEP D	2025	2025	20	D!G14633
RCEP D	2026	2026	20	D!H14633
RCEP D	2027	2027	20	D!I14633
RCEP E	2022	2022	20	E!D14637
RCEP E	2023	2023	20	E!E14637
RCEP E	2024	2024	20	E!F14637
RCEP E	2025	2025	20	E!G14637
RCEP E	2026	2026	20	E!H14637
RCEP E	2027	2027	20	E!I14637
RCEP F	2022	2022	18,7	F!D14634
RCEP F	2023	2023	17,3	F!E14634
RCEP F	2024	2024	16	F!F14634
RCEP F	2025	2025	14,7	F!G14634
RCEP F	2026	2026	13,3	F!H14634
RCEP F	2027	2027	12	F!I14634
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F13620
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G13620
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H13620
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I13620

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8516.40 có 2 dòng thuế; dòng 8516.40.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại được thiết kế sử dụng hơi nước từ hệ thống nồi hơi công nghiệp.	8516.40.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8516.40.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8516.40.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15306), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.